

KẾT NỐI TRI THỨC | NGŨ VĂN

CẨM NANG ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2026

PHẦN 3. KỸ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

41 đề thực hành (Thơ, Truyện, Kí), Hướng dẫn chấm và Rubric theo chuẩn đề thi năm 2026

BẢN GIỚI THIỆU (TRÍCH ĐOẠN)

Hướng dẫn chấm và Rubric năm 2026; Đề 9 “Ru mẹ” (Trần Hoàng Thiên Kim); Đề 19 “Người đánh trống trường” (Ma Văn Kháng)

Kết Nối Tri Thức | Ngũ Văn. Zalo: 0328 961 617

VÌ SAO CẦN BỘ TÀI LIỆU NÀY?

Câu viết đoạn văn nghị luận văn học yêu cầu học sinh phân tích một khía cạnh của chính văn bản vừa đọc ở phần Đọc hiểu, một văn bản nằm ngoài sách giáo khoa. Không thể học thuộc bài mẫu, học sinh phải tự cảm, tự phân tích. Đáp án năm 2026 chỉ rõ người chấm tìm hai lớp: **thí sinh có nêu được các yếu tố hình thức** (hình ảnh, chi tiết, từ ngữ, biện pháp nghệ thuật) **và có phân tích các yếu tố ấy để rút ra nội dung** (cảm xúc, tâm trạng, ý nghĩa, triết lí nhân sinh) hay không.

Phần 3 của Cẩm nang ôn thi Kết Nối Tri Thức được biên soạn để học sinh viết đúng những gì người chấm cần tìm. Mỗi đề có Hướng dẫn chấm xây dựng theo khung Đáp án năm 2026, Rubric bốn mức với thang điểm 2,0 như đề thi chính thức và một đoạn văn tham khảo viết khớp từng ý.

Điểm nổi bật

- **Bám sát cách chấm năm 2026:** toàn bộ 41 đề có Hướng dẫn chấm theo hai bước “Nêu được các yếu tố hình thức” (Ý 1, Ý 2) và “Phân tích các yếu tố hình thức để rút ra được các nội dung” (Ý 3, Ý 4), cùng Rubric ba tiêu chí, bốn mức.
- **Đủ 13 dạng đề thơ, truyện, kí:** phân tích đoạn thơ, hình tượng, ý nghĩa biểu tượng, mạch cảm xúc, nhân vật trữ tình, phương diện nghệ thuật, chủ đề; nhân vật, diễn biến tâm lí, chi tiết, tình huống, nghệ thuật kể chuyện; so sánh hai ngữ liệu. Mỗi dạng có cách nhận diện và khung dàn ý riêng ở Phần I.
- **Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, mới và đa dạng:** Lưu Quang Vũ, Xuân Quỳnh, Chính Hữu, Lê Thu, Nguyễn Quang Thiều, Ma Văn Kháng, Nguyễn Khải, Nguyễn Quang Thân..., phần lớn trùng với ngữ liệu Đọc hiểu để học sinh làm liền mạch như một đề thi hoàn chỉnh.
- **Đoạn văn tham khảo chuẩn mực:** khoảng 230 đến 300 chữ, câu chủ đề in đậm, mọi trích dẫn được đối chiếu nguyên văn với ngữ liệu, phân tích nội dung thông qua tín hiệu nghệ thuật chứ không diễn xuôi.

Dành cho ai và dùng thế nào

- Học sinh lớp 12 ôn thi tốt nghiệp: viết đoạn văn trong 20 đến 25 phút, tự chấm theo Rubric, rồi đối chiếu đoạn văn tham khảo để thấy mình còn thiếu Ý nào.
- Giáo viên: dùng Hướng dẫn chấm và Rubric để chấm, chữa bài trên lớp; dùng bảng nhận diện dạng đề để lên lộ trình ôn tập.
- Phụ huynh: theo dõi tiến bộ của con qua điểm tự chấm từng đề.

Trọn bộ Cẩm nang ôn thi tốt nghiệp THPT 2026

Phần	Nội dung	Số đề thực hành
Phần 1	Kĩ năng trả lời câu hỏi Đọc hiểu (thơ, truyện, kí, kịch, nghị luận, văn bản thông tin)	41 đề
Phần 2	Kĩ năng viết đoạn văn nghị luận xã hội khoảng 200 chữ	27 đề
Phần 3	Kĩ năng viết đoạn văn nghị luận văn học khoảng 200 chữ	41 đề

Phần	Nội dung	Số đề thực hành
Phần 4	Kĩ năng viết bài văn nghị luận xã hội khoảng 600 chữ	41 đề
Phần 5	Kĩ năng viết bài văn nghị luận văn học khoảng 600 chữ	36 đề

DANH MỤC 41 ĐỀ THỰC HÀNH TRONG PHẦN 3

- Đề 1. Phân tích đoạn thơ “Cửa vọng ông bà” (“Dựng nhà”, Nguyễn Thúy Quỳnh)
- Đề 2. Phân tích hình ảnh dòng sông qua cảm nhận của nhân vật trữ tình (“Những dòng sông”, Bé Kiến Quốc)
- Đề 3. Phân tích mạch cảm xúc trong bài thơ “Ngày trống không” (Chế Lan Viên)
- Đề 4. Cảm nhận khổ thơ “Nâng bát cơm trên tay, tôi đếm từng hạt gạo” (“Bài thơ chưa thể đặt tên”, Nguyễn Phan Quế Mai)
- Đề 5. Phân tích tâm trạng nhân vật trữ tình trong khổ thơ cuối (“Còn lại gì từ năm mười tám tuổi”, Đinh Hoàng Anh)
- Đề 6. Phân tích dòng suy ngẫm của nhân vật trữ tình (“Thời đại của tốc độ lớn”, Bằng Việt)
- Đề 7. Cảm nhận hình tượng đất nước (“Đất nước những đêm dài không ngủ”, Nguyễn Việt Chiến)
- Đề 8. Phân tích hình tượng đất hồi sinh (“Trăn trở đất hồi sinh”, Lê Thu)
- Đề 9. Cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình (“Ru mẹ”, Trần Hoàng Thiên Kim)
- Đề 10. Phân tích tác dụng của yếu tố tự sự trong đoạn thơ (4), (5) (“Thôn Chu Hưng”, Lưu Quang Vũ)
- Đề 11. Cảm nhận hình ảnh người lính (“Những nhà thơ trẻ chúng tôi”, Trần Mạnh Hảo)
- Đề 12. Phân tích cảm xúc của nhân vật “tôi” (“Cho tôi một mảnh hồn xóm nhỏ”, Nguyễn Đăng Độ)
- Đề 13. Phân tích hình tượng gió (“Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi”, Lưu Quang Vũ)
- Đề 14. Phân tích ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh nắng Ba Đình (“Nắng Ba Đình”, Nguyễn Ngọc Phú)
- Đề 15. So sánh ý nghĩa “Trong gian khó, sự sống vẫn sinh thành” qua “Người trong mưa lũ” (Sương Nguyệt Minh) và “Một con người ra đời” (Macxim Gorki)
- Đề 16. Cảm nhận nhân vật “tôi” (“Gia đình, bạn bè và đất nước”, Nguyễn Thị Bình)
- Đề 17. Phân tích nhân vật anh con trai người bạn (“Chúng tôi và bọn hần”, Nguyễn Khải)
- Đề 18. Phân tích diễn biến tâm lí người mẹ (“Tâm hồn của Minh”, Nguyễn Thị Việt Hà)
- Đề 19. Cảm nhận nhân vật thầy Huân (“Người đánh trống trường”, Ma Văn Kháng)
- Đề 20. Phân tích sự thay đổi của Duy và Liên (“Phiên bản mới nhất”, Mai Văn Phấn)
- Đề 21. Phân tích diễn biến tâm lí nhân vật An (“Miền đất trong lòng”, Trần Duy Thành)
- Đề 22. Phân tích kết cục của nhân vật Sẻ Sáo Lin (“Móng vuốt thời gian”, Ma Văn Kháng)

- Đề 23. Phân tích đặc sắc nghệ thuật truyện ngắn “Ga tàu tuổi thơ” (Vũ Thị Huyền Trang)
- Đề 24. Phân tích mạch cảm xúc của đoạn trích “Làng quê” (Nguyễn Quang Thiều)
- Đề 25. Phân tích giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của đoạn trích “Là anh-người lính” (Vũ Thiên Kiêu)
- Đề 26. Phân tích đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích “Là anh-người lính” (Vũ Thiên Kiêu)
- Đề 27. Phân tích ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh “áo cũ” (“Áo cũ”, Lưu Quang Vũ)
- Đề 28. Phân tích vẻ đẹp của Mai Châu qua cảm nhận của nhân vật trữ tình (“Trở lại Mai Châu”, Lê Huy Hòa)
- Đề 29. Phân tích ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh “cỏ dại” (“Cỏ dại”, Xuân Quỳnh)
- Đề 30. Phân tích chủ đề đoạn trích “Gửi mẹ” (Xuân Quỳnh)
- Đề 31. Phân tích đặc điểm ngôn ngữ bài thơ “Đường ra mặt trận” (Chính Hữu)
- Đề 32. Phân tích ý nghĩa câu hát của “em” đối với người lính (“Nghe em hát trong rừng”, Phạm Tiến Duật)
- Đề 33. Phân tích mạch cảm xúc bài thơ “Bài hát đắp đường” (Xuân Quỳnh)
- Đề 34. Phân tích vẻ đẹp tâm hồn nhân vật trữ tình (“Bài hát đắp đường”, Xuân Quỳnh)
- Đề 35. Phân tích ý nghĩa của câu ví dặm qua cảm nhận của nhân vật trữ tình (“Ví dặm thương nguồn”, Phan Thế Cải)
- Đề 36. Phân tích nhân vật Hiên (“Hoa trên đảo”, Lê Quang Trọng)
- Đề 37. Phân tích nhân vật Minh (“Sao sáng lấp lánh”, Nguyễn Thị Âm)
- Đề 38. Phân tích chi tiết cuối truyện “Nhớ đá” (Đỗ Doãn Hoàng)
- Đề 39. Phân tích tình huống truyện (“Bà già im lặng”, Dương Giao Linh)
- Đề 40. Phân tích tình huống truyện (“Đường biên”, Quyên GAVOYE)
- Đề 41. Phân tích nghệ thuật kể chuyện (“Tàu đi Hòn Gai”, Nguyễn Quang Thân)

TRÍCH PHẦN I: HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ RUBRIC NĂM 2026

2. Hướng dẫn chấm và Rubric theo chuẩn đề thi năm 2026

Đề thi chính thức năm 2026 có Hướng dẫn chấm và Rubric bốn mức cho cả hai câu Viết. Câu đoạn văn (2,0 điểm) được chấm theo ba tiêu chí: **I. Nội dung kiến thức (1,25 điểm), II. Kỹ năng phân tích và lập luận (0,5 điểm), III. Hình thức và ngôn ngữ (0,25 điểm)**, với bốn mức: Mức 4 từ 1,75 đến 2,0 điểm; Mức 3 từ 1,25 đến 1,5 điểm; Mức 2 từ 0,75 đến 1,0 điểm; Mức 1 từ 0,0 đến 0,5 điểm. Với nội dung nghị luận văn học, Đáp án năm 2026 (ở câu bài văn) chia việc phân tích thành hai bước rõ ràng: **“Nêu được các yếu tố hình thức”** (hình ảnh, chi tiết, từ ngữ, biện pháp nghệ thuật, mối tương quan giữa các hình ảnh) và **“Phân tích các yếu tố hình thức để rút ra được các nội dung”** (cảm xúc, tâm trạng, ý nghĩa, triết lí nhân sinh).

Vận dụng khung ấy, Hướng dẫn chấm cho đoạn văn nghị luận văn học trong cuốn cẩm nang được xây dựng như sau:

- **a. Yêu cầu chung (0,25 điểm):** xác định đúng vấn đề nghị luận; bảo đảm hình thức đoạn văn và dung lượng khoảng 200 chữ.
- **b. Yêu cầu cụ thể (1,0 điểm):** nêu được các yếu tố hình thức (Ý 1, Ý 2) và phân tích các yếu tố hình thức để rút ra nội dung (Ý 3, Ý 4).

Tiêu chí	Thành phần nội dung	Điểm tối đa
I. Nội dung kiến thức	Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,25
I. Nội dung kiến thức	Nêu được các yếu tố hình thức (Ý 1, Ý 2); phân tích để rút ra nội dung (Ý 3, Ý 4)	1,0
II. Kỹ năng phân tích và lập luận	Lựa chọn chi tiết, hình ảnh tiêu biểu làm căn cứ; sử dụng thành thạo kỹ năng nghị luận; biết đánh giá, liên hệ thuyết phục	0,5
III. Hình thức và ngôn ngữ	Bảo đảm cách thức trình bày đoạn văn; hành văn trong sáng, đúng ngữ pháp, không lỗi chính tả; trình bày rõ ràng, sạch đẹp; dung lượng 200 ± 100 chữ	0,25

Điều rút ra cho người viết:

- **Gọi tên yếu tố hình thức trước, rút ra nội dung sau.** Người chấm tìm hai lớp trong đoạn văn: em đã chỉ ra được hình ảnh, từ ngữ, biện pháp nghệ thuật nào; và từ đó em rút ra được điều gì về cảm xúc, tư tưởng, ý nghĩa. Đoạn văn chỉ diễn xuôi nội dung, hoặc chỉ liệt kê biện pháp tu từ mà không lí giải, đều khó vượt Mức 2.
- Chọn **ít mà trúng**: một hai hình ảnh, chi tiết đắt giá được phân tích kĩ có giá trị hơn nhiều dẫn chứng được điểm qua.
- Câu kết đoạn nên có **một lời đánh giá** (đặc sắc nghệ thuật, thông điệp, ý nghĩa nhân sinh), vì đây là căn cứ để người chấm ghi nhận kĩ năng lập luận.
- Toàn bộ 41 đề trong phần thực hành có Hướng dẫn chấm và Rubric theo đúng khung trên, để học sinh tự chấm đoạn văn của mình.

3. Bảng nhận diện dạng đề trong phần thực hành

Các đề trong phần thực hành của cuốn cẩm nang được xếp theo những dạng sau. Học sinh nên học kĩ hướng dẫn của từng dạng ở mục C, D, E rồi luyện viết với các đề tương ứng.

Thể loại	Dạng đề	Đề luyện tập tương ứng
Thơ	Dạng 1. Phân tích, cảm nhận một đoạn thơ, khổ thơ	Đề 1, 4
Thơ	Dạng 2. Phân tích hình ảnh, hình tượng trong thơ	Đề 2, 7, 8, 11, 13, 28, 32, 35
Thơ	Dạng 3. Phân tích ý nghĩa biểu tượng của một hình ảnh	Đề 14, 27, 29
Thơ	Dạng 4. Phân tích mạch cảm xúc, dòng suy ngẫm	Đề 3, 6, 24, 33
Thơ	Dạng 5. Phân tích tâm trạng, vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật	Đề 5, 9, 12, 34

Thể loại	Dạng đề	Đề luyện tập tương ứng
	trữ tình	
Thơ	Dạng 6. Phân tích một phương diện nghệ thuật (ngôn ngữ, yếu tố tự sự, đặc sắc nghệ thuật)	Đề 10, 26, 31
Thơ	Dạng 7. Phân tích chủ đề, giá trị của văn bản	Đề 25, 30
Truyện, kí	Dạng 8. Phân tích, cảm nhận nhân vật	Đề 16, 17, 19, 36, 37
Truyện	Dạng 9. Phân tích diễn biến tâm lí, sự thay đổi của nhân vật	Đề 18, 20, 21
Truyện	Dạng 10. Phân tích chi tiết, kết cục của nhân vật	Đề 22, 38
Truyện	Dạng 11. Phân tích tình huống truyện	Đề 39, 40
Truyện	Dạng 12. Phân tích nghệ thuật kể chuyện, đặc sắc nghệ thuật của truyện	Đề 23, 41
Kết hợp	Dạng 13. So sánh, phát hiện điểm tương đồng giữa hai ngữ liệu	Đề 15

TRÍCH PHẦN II: HAI ĐỀ THỰC HÀNH MẪU

Đề 9. Cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình (“Ru mẹ”, Trần Hoàng Thiên Kim)

Dạng đề: Dạng 5. Phân tích tâm trạng, vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình.

Đọc văn bản

RU MẸ

Trần Hoàng Thiên Kim*

Mẹ ngủ ngon, con ru mẹ mùa xuân
Con mưa phùn ướt đầm nhành đào thắm
Bánh mật, bánh ngào thơm lừng hương sớm
Bánh chưng xanh, hành mỡ, lá dong

Mẹ ngủ say con ru mẹ mùa đông
Cây bàng non bắt đầu thay lá
Chăn gói ấm, áo bông chăn dày dặn
Bếp củi than sưởi ấm tháng năm dài

Ngày hè sang con hái nụ sen tươi
Nấu chè ngon ngọt lành dâng tình mẹ
Cây nhãn mẹ trồng trĩu cành sai quả
Mùa bội thu ngọt lịm giấc mơ con

Giấc ngủ an yên gọi nắng gió đầu non
Đêm thu hát vàng trăng tròn mắt mẹ
Dõi theo con, cả một đời san sẻ
Mọi buồn vui, thành bại kiếp người

Mẹ ngủ ngon, con nắm chặt tay gầy
Bàn tay cả một đời tần tảo
Sáng tinh mơ gạo rau hàng xáo
Những lo toan đường vắng chợ chiều

Xin cho một lần con trở lại ấu thơ
Ngày mẹ thanh xuân tiếng cười, giọng nói
Có mẹ yêu thương dịu dàng che chở
Cuộc đời con mọi sóng gió qua đi

Tình mẹ bao la đời kiếp khắc ghi

*Con xin cúi đầu trước bao la tình mẹ
Ru mẹ trong tim, ru lòng con thơ dại
Để lại tìm về những khoảnh khắc xa xưa...*

(*Ru mẹ*, Trần Hoàng Thiên Kim, *Văn học và tuổi trẻ*,
NXB Giáo dục Việt Nam, số tháng 10, 2025, tr.32)

* **Chú thích:** Trần Hoàng Thiên Kim sinh năm 1981 tại Nghệ An, hiện sống và làm việc tại Hà Nội, hiện là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Chị xuất bản tập thơ đầu tay khi mới hai mươi tuổi và sớm ghi dấu bằng nhiều giải thưởng văn học. Từ *Vọng mùa*, *Những trò đùa có lỗi* đến *Mưa tượng hình*, hành trình thơ của chị là hành trình đi qua ký ức, tình yêu và những vùng sâu của vô thức.

Anh/Chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong văn bản “Ru mẹ” ở phần Đọc hiểu.

Hướng dẫn chấm

Đoạn văn đáp ứng được các yêu cầu sau:

a. Yêu cầu chung: Xác định đúng vấn đề nghị luận; bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn. (0,25 điểm)

- Xác định đúng vấn đề nghị luận: vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong bài thơ “Ru mẹ” (Trần Hoàng Thiên Kim).
- Cách trình bày: đoạn văn (diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích hoặc song hành).
- Dung lượng: khoảng 200 chữ.

b. Yêu cầu cụ thể: Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề nghị luận và bảo đảm các yêu cầu sau: (1,0 điểm)

Nêu được các yếu tố hình thức:

- Ý 1) Hình ảnh, chi tiết: hành động “con ru mẹ” qua các mùa; sự chăm chút “Chăn gói ấm, áo bông chăn dày dặn”, “Bếp củi than sưởi ấm tháng năm dài”, “Nấu chè ngon ngọt lành dâng tình mẹ”; cử chỉ “con nắm chặt tay gầy”; đời mẹ “tàn tảo”, “Sáng tinh mơ gạo rau hàng xáo”, “Những lo toan đường vắng chợ chiều”; tư thế “Con xin cúi đầu trước bao la tình mẹ”, lời “Ru mẹ trong tim”.
- Ý 2) Những nét đặc sắc nghệ thuật: sự đổi vai trong hành động “ru”; cấu trúc lặp “Mẹ ngủ ngon, con ru mẹ...”, “Mẹ ngủ say con ru mẹ...”; kết cấu theo vòng các mùa; động từ “dâng”, “cúi đầu”; hình ảnh “vàng trăng tròn mắt mẹ”; câu cầu khiến “Xin cho một lần con trở lại ấu thơ”; giọng thơ thủ thỉ, nhịp êm như lời ru,...

Phân tích các yếu tố hình thức để rút ra được các nội dung:

- Ý 3) Vẻ đẹp tâm hồn hiếu thảo, chu đáo: người con chăm chút cho mẹ từng điều nhỏ bé; sự thấu hiểu, lòng biết ơn trước cả một đời tần tảo, lo toan của mẹ.
- Ý 4) Ý nghĩa, thông điệp:
 - + Ý 4.1) Nỗi khắc khoải trước thời gian, khát vọng níu giữ “Ngày mẹ thanh xuân”; tình yêu và sự thành kính của người con hóa thành lời ru thường trực trong tim.
 - + Ý 4.2) Ý nghĩa nhân văn: ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng, nhắc mỗi người biết yêu thương, đền đáp công ơn mẹ khi mẹ còn bên mình.

Thí sinh có thể trình bày theo cách khác, miễn là hợp lí, thuyết phục; kĩ năng phân tích, lập luận (0,5 điểm) và hình thức, ngôn ngữ (0,25 điểm) được đánh giá theo Rubric.

Rubric chấm điểm

Câu 1 (2,0 điểm)		Mức 4 (1,75 - 2,0 điểm)	Mức 3 (1,25 - 1,5 điểm)	Mức 2 (0,75 - 1,0 điểm)	Mức 1 (0,0 - 0,5 điểm)
I. Nội dung kiến thức (1,25 điểm)	Xác định đúng vấn đề nghị luận (0,25 điểm)	Xác định đúng vấn đề nghị luận: vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong bài thơ “Ru mẹ” (Trần Hoàng Thiên Kim). (0,25 điểm)	Xác định đúng vấn đề nghị luận. (0,25 điểm)	Xác định đúng vấn đề nghị luận. (0,25 điểm)	Không xác định được hoặc xác định sai vấn đề nghị luận. (0,0 điểm)
	Cảm nhận về đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình (1,0 điểm)	Nêu được đầy đủ các yếu tố hình thức như Đáp án (Ý 1, Ý 2). Phân tích được các yếu tố hình thức để rút ra nội dung như Đáp án (Ý 3, Ý 4). (1,0 điểm)	Nêu được chính xác Ý 1 và Ý 2. Phân tích được Ý 3 hoặc Ý 4. (0,75 điểm)	Nêu được chính xác 01 trong 02 ý hình thức. Phân tích được Ý 3 hoặc Ý 4. (0,5 điểm)	Nêu được 01 ý hình thức nhưng chưa phân tích, hoặc chỉ diễn xuôi nội dung. (0,25 điểm) Không nêu được ý nào. (0,0 điểm)
II. Kĩ năng phân tích và lập luận (0,5 điểm)		Biết lựa chọn các chi tiết, hình ảnh tiêu biểu (hình ảnh “con ru mẹ”, “dâng tình mẹ”, “con nắm chặt tay gầy”, “Xin cho một lần con trở lại ấu thơ”, “Ru mẹ trong tim”) làm căn cứ để rút ra nội dung. Sử dụng thành thạo các kĩ năng nghị luận (lí lẽ, bằng chứng, thao tác phân tích, đánh giá). Biết đánh giá, liên hệ một cách thuyết phục. (0,5 điểm)	Đáp ứng được 01 đến 02 trong 03 yêu cầu như Mức 4. (0,25 điểm)	Chưa đáp ứng được yêu cầu nào như Mức 4. (0,0 điểm)	Chưa lựa chọn được chi tiết tiêu biểu; chưa biết cách tổ chức lập luận. (0,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)		Mức 4 (1,75 - 2,0 điểm)	Mức 3 (1,25 - 1,5 điểm)	Mức 2 (0,75 - 1,0 điểm)	Mức 1 (0,0 - 0,5 điểm)
III. Hình thức và ngôn ngữ (0,25 điểm)		Bảo đảm cách thức trình bày đoạn văn. Hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, đúng ngữ pháp tiếng Việt, không có lỗi chính tả. Trình bày khoa học, rõ ràng, sạch đẹp. Dung lượng: 200 ± 100 chữ. (0,25 điểm)	Đáp ứng đầy đủ 03 trong 04 yêu cầu như Mức 4; hoặc đáp ứng 04 yêu cầu nhưng chưa đầy đủ như Mức 4. (0,25 điểm)	Đáp ứng được 02 trong 04 yêu cầu như Mức 4; hoặc đáp ứng 03 yêu cầu nhưng chưa đầy đủ như Mức 4. (0,0 điểm)	Đáp ứng được 01 trong 04 yêu cầu như Mức 4. (0,0 điểm)

Đoạn văn tham khảo

Lời ru vốn của mẹ dành cho con, nhưng trong bài thơ “Ru mẹ”, Trần Hoàng Thiên Kim để người con ru ngược lại mẹ, qua đó làm sáng lên vẻ đẹp tâm hồn hiếu thảo, thấu hiểu và thành kính của nhân vật trữ tình. Sự đổi vai ấy được nhấn mạnh bằng cấu trúc lặp “Mẹ ngủ ngon, con ru mẹ mùa xuân”, “Mẹ ngủ say con ru mẹ mùa đông”, tạo nhịp êm đềm như tiếng võng đưa. Theo vòng các mùa, con chăm chút cho mẹ từng điều nhỏ: mùa đông có “Chăn gối ấm, áo bông chăn dày dặn”, có “Bếp củi than sưởi ấm tháng năm dài”; ngày hè có nụ sen hái về “Nấu chè ngon ngọt lành dâng tình mẹ”. Động từ “dâng” khiến sự chăm sóc trở thành một nghi lễ thành kính. Không chỉ chu đáo, người con còn thấu hiểu: cử chỉ “con nắm chặt tay gầy” mở ra cả một đời “tàn tảo”, những buổi “Sáng tinh mơ gạo rau hàng xáo” và “Những lo toan đường vắng chợ chiều”. Chi tiết đời thường được nhớ kỹ cho thấy lòng biết ơn thấm sâu. Rồi cảm xúc chùng xuống trong lời cầu khiến “Xin cho một lần con trở lại ấu thơ”, khát vọng níu giữ “Ngày mẹ thanh xuân”, khắc khoải trước thời gian vô tình. Khép lại, tư thế “Con xin cúi đầu trước bao la tình mẹ” và lời “Ru mẹ trong tim” cho thấy tình con đã hóa thành lời ru thường trực trong tâm hồn. Giọng thơ thủ thi, hình ảnh bình dị đã khắc họa một tâm hồn đẹp, nhắc mỗi chúng ta biết đền đáp mẹ khi mẹ còn bên mình.

Đề 19. Cảm nhận nhân vật thầy Huân (“Người đánh trống trường”, Ma Văn Kháng)

Dạng đề: Dạng 8. Phân tích, cảm nhận nhân vật.

NGƯỜI ĐÁNH TRỐNG TRƯỜNG

Nếu bảo rằng thầy Huân là người thầy tài ba xuất chúng, là ông thầy đứng trên cái thế thượng phong về trí tuệ mà rèn đúc, tạo nên được cả một lớp học trò giỏi giang, trong đó nhiều người trở thành những tên tuổi lẫy lừng, những văn nhân chính khách một thời, thì hoàn toàn không phải. Thầy giáo, nghề dạy học, dầu có được ưu ái đặc biệt, được tôn cao giá trị đến đâu, thì cũng chỉ là loại trí thức xếp loại hai, tức bậc thứ, nắm giữ các thông tin mật mã, những tri thức loài người biết cả rồi; ông thầy không phát minh. Huống hồ thầy Huân của chúng tôi chỉ là ông giáo cấp tiểu học. Trong hành trình dằng dặc của đời người, thầy chỉ là cái ga xép heo hút mà du khách chúng tôi lướt qua trong thoáng chốc. Thêm nữa, lớp môn đệ của thầy cũng chỉ lèo tèo vài chục đứa trẻ quê mùa, quý mến thầy thì hết mực đấy, nhưng sau này thành nhân thì cũng chỉ là những thân kiếp làng nhàng như thầy; anh chị nào nhờ thời vận hoặc phúc âm tổ tiên, qua tay

thầy rèn cặp mấy năm trời, thành đạt lắm cũng chỉ là anh giáo cấp hai hoặc chị ủy viên thư ký ủy ban xã là cùng, ấy là xét theo phẩm trật trên nẻo đường quan lộc.

Trong mấy chục thầy cô ở chốn học đường góp phần tạo nên chúng tôi, thầy Huân, xét về mặt trí năng, chỉ là một cái bóng nhạt nhòa, dễ bị nhãng quên, giữa các đồng nghiệp của thầy. Nhưng, quan hệ thầy trò, cũng như quan hệ bằng hữu giữa người và người có một đặc thù là người ta không chỉ căn cứ vào cái tài, cái lợi thu được cho cá nhân mà trọng nể, mến mộ nhau; thế nên mới có chuyện để nói.

Cùng về làng tôi dạy học đầu năm 1955, hòa bình mới lập lại đó, ngoài thầy Huân còn có một thầy nữa tên Ngọc Kim. Thầy Ngọc Kim cũng tốt nghiệp sư phạm sơ cấp một khóa với thầy Huân, nhưng lại là một hình ảnh tương phản hoàn toàn về mọi phương diện với bạn mình. Và, tôi nghĩ, ông trời xem ra rất thích tạo ra các trò chơi oái oăm, ông xếp thầy Ngọc Kim cạnh thầy Huân là cố ý làm nổi bật sự đối nghịch của họ, là để đưa con người trần thế vào một cuộc chơi thách đố trí tuệ chẳng?

Thầy Ngọc Kim, cái tên nghe đã sang trọng, người thành thị cao ráo, trắng trẻo tươi tắn, mắt phượng, mày ngài, đẹp như một kếp cải lương, bất thiệp, kín nhẽ, khẩu khiếu linh hoạt khác thường; đã vậy lại còn lắm tài vật như đàn giỏi, hát hay; còn kẻ khẩu hiệu, vẽ panô cổ động các phong trào trong làng xã thì đến cán bộ phòng văn hóa huyện cũng phải bái phục.

Trong khi ấy, thầy Huân người thấp lùn, vai rộng, chân đi vòng kiềng, mặt sần sùi trũng cá, trông tẻ ngắt tẻ ngơ. Thầy Ngọc Kim là sản phẩm của nền văn minh hiện đại, còn thầy Huân là nguyên khối tự nhiên, cứ như là người ta nhặt thầy từ đồng ruộng ban sơ lên rồi đặt luôn vào ngôi trường này vậy. Thầy lù đù, chậm chạp, thô thấp vụng về và có già lắm. Đường giao tiếp, nói năng của thầy lại càng kém cỏi. Thầy chẳng biết lựa lòng ai. Gặp điều ngang trái là thầy tức tối, đỏ vầng cả mặt, có nói thì câu chữ cứ đứ đứ lại đến là khô sớ. “Thầy bà gì mà ăn nói cứ như là bị rứt lưỡi, lại lục cục loac quac thô lỗ như búa đập đe thế!” Đã có lần thầy Ngọc Kim quở trách thầy Huân như thế, trước hơn một trăm đứa học trò, giữa buổi chào cờ toàn trường.

(Lược một đoạn: Thầy Ngọc Kim và thầy Huân vì khác nhau về tính cách, lối sống nên xảy ra một số mâu thuẫn.)

Trường có hai lớp. Thầy Ngọc Kim dạy một. Thầy dạy một. Thầy dạy không hay. Giọng thầy trầm trầm, đều đều, không véo von trầm bổng, cũng không hay pha trò hoặc hoa mỹ bóng bẩy như thầy Ngọc Kim, nhưng học trò vẫn thích được học thầy. Ấy là vì thầy tận tâm tận lực với học trò. Tình thương, lòng trắc ẩn và danh dự của kẻ có học là những lý do thường trực khiến thầy đã làm cái gì cũng làm đến nơi đến chốn. Giáo án thầy nắn nót chép đi chép lại cho kỳ không một chữ sai, một dấu tẩy xóa mới thôi. Thuở nhỏ phải gánh gồng nhiều nên bên vai phải thầy bị lệch so với vai trái. Vừa như ngượng với chính mình, vừa muốn đứng trước học trò phải là một hình ảnh toàn bĩ, cả về thể chất, thầy đã đứng trước gương tập co vai phải lên cho ngang bằng với vai trái đến cả năm trời. Thầy bỏ công nhiều nhất cho việc tập nói. Biết mình hể xúc động là cuống, là lắp bắp, nên mỗi khi lâm vào cảnh nọ là thầy lập tức đặt tay lên ngực trái, để kim chế nhíp đập của con tim đang rạo rục. Đồ dùng giảng dạy các môn thầy tự làm lấy hết. Tấm bản đồ thế giới, cái địa bàn, mô hình con chim, con cá, tuy còn sơ sài, nhưng kết tinh thật đầy đủ lòng tận tụy của thầy. Nhiều cái thầy quả tốn công tốn sức, thậm chí quá cả cái mức cần thiết.

(Lược một đoạn: Thầy Huân tham gia vào cuộc đấu tranh bài trừ mê tín dị đoan do xã phát động, sau khi chặt cây gạo ở ngôi đền cổ, thầy bị ốm, đi bệnh viện tỉnh gần một năm trời. Thầy không chết. Khi trở về trường học cũ, thầy chỉ được nhận làm công việc đánh trống trường ăn lương hợp đồng. Sau khi nhận được một lá thư gửi đến từ quê nhà, thầy lại bị thiên đầu thống, hỏng mất một con mắt.)

Trở lại với trường học lần thứ hai, thầy Huân vẫn được giữ chân thủ trống của nhà trường. [...] Bây giờ, vào giờ gà lên chuồng, muốn đi đâu, thầy phải cầm một cái đèn dầu, vừa là để soi đường, vừa là để người ta biết mà tránh. Xung quanh thầy, ban ngày ban mặt mà tù mù, tờ mờ như ban đêm. Ấy vậy mà nhiệm vụ đánh trống trường, thầy thực hiện hết sức trọn vẹn. Có nhìn rõ đồng hồ đầu mà trống báo, trống tập hợp, trống vào lớp, trống chuyển tiết, trống tan trường, thầy hạ dùi không sai một giây.

Đặc biệt nữa là tiếng trống của thầy. Nhất là những hồi trống giục. Cùng là âm thanh của da gổ cộng hưởng trong khoảng không đôn đên bùng bật ra ngoài, cũng chỉ là chày dùi thô mộc khua động về thương tình mà sao nó vang lộng, thống thiết mà đa tầng cảm xúc thế! Lúc nó dồn dập tràn đầy khí lực, lúc nó thùng thảng buồn đứt như một linh hồn đơn côi đang bơ vơ. Có lúc nó đại đại. Có lúc nó nức nở, gào

thét. Có lúc nó như tiếng kêu bi thảm phát tỏa ra từ nỗi lòng bức bối thê thiết. Ôi, tiếng trống, hóa ra nó là một thực thể phân thân của thầy, là ngôn ngữ của thầy, là âm thanh mang hồn thầy đang quặn quại!

Thế là giờ đây qua tiếng trống trường, thầy vẫn còn tồn tại, vẫn hiện diện ở cõi đời này.

(Lược đoạn cuối: Chúng tôi đến thăm thầy, thấy xót xa khi thấy thầy cô đọc một thân một mình trong túp lều nhỏ dựng ở góc trường. Sau khi thấy mắt, người ta phát hiện ra lá thư ngày trước báo tin quê thầy bị một cơn sóng thần ập vào quét sạch cả nhà cửa, ruộng vườn, vợ con thầy. Hóa ra đó là một trong những nguyên cớ gây nên những cơn đau đầu quái ác của thầy.)

(Ma Văn Kháng¹, Tập truyện ngắn *Trăng soi sân nhỏ*, NXB Hội Nhà văn, 2014, tr. 112-136)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận về nhân vật thầy Huân trong văn bản “Người đánh trống trường” (Ma Văn Kháng) ở phần Đọc hiểu.

Hướng dẫn chấm

Đoạn văn đáp ứng được các yêu cầu sau:

a. Yêu cầu chung: Xác định đúng vấn đề nghị luận; bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn. (0,25 điểm)

- Xác định đúng vấn đề nghị luận: vẻ đẹp của nhân vật thầy Huân, người thầy vụng về, bất hạnh mà tận tụy, cao quý trong văn bản “Người đánh trống trường” (Ma Văn Kháng).
- Cách trình bày: đoạn văn (diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích hoặc song hành).
- Dung lượng: khoảng 200 chữ.

b. Yêu cầu cụ thể: Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề nghị luận và bảo đảm các yêu cầu sau: (1,0 điểm)

Nêu được các yếu tố hình thức:

- Ý 1) Chi tiết ngoại hình, lời nói, hành động: vẻ ngoài “người thấp lùn, vai rộng, chân đi vòng kiềng, mặt sần sùi trũng cá”, nói năng thì “câu chữ cứ dúi lại”; giáo án “nắn nót chép đi chép lại”, tập co vai “đến cả năm trời”, đặt tay “lên ngực trái” để kìm xúc động; khi đã mất một con mắt vẫn đánh trống “hạ dùi không sai một giây”.
- Ý 2) Những nét đặc sắc nghệ thuật: thủ pháp tương phản giữa thầy Huân và thầy Ngọc Kim “đẹp như một kếp cải lương”; so sánh như thể người ta “nhặt thầy từ đồng ruộng ban sơ lên”; điệp cấu trúc “Có lúc nó” và lời cảm thán “Ôi, tiếng trống” trong đoạn tả tiếng trống; điểm nhìn của người học trò cũ, giọng kể trầm tư, giàu chiêm nghiệm và thương cảm,...

Phân tích các yếu tố hình thức để rút ra được các nội dung:

- Ý 3) Vẻ đẹp của thầy Huân: bề ngoài vụng về, kém cỏi nhưng bên trong là “Tình thương, lòng trắc ẩn và danh dự của kẻ có học”; nghị lực tự hoàn thiện mình vì học trò; trọn vẹn trách nhiệm ngay cả khi bị đẩy khỏi bục giảng, tật nguyên và cô độc.
- Ý 4) Ý nghĩa của nhân vật, tư tưởng của nhà văn:
 - + Ý 4.1) Tiếng trống trở thành “một thực thể phân thân của thầy”, nơi gửi gắm nỗi đau và lẽ sống; qua đó nhà văn bày tỏ niềm cảm thông, trân trọng đối với những con người nhỏ bé, bất hạnh.

+ Ý 4.2) Giá trị đích thực của người thầy không đo bằng tài năng hay danh vọng mà bằng tấm lòng tận hiến; quan hệ thầy trò được gắn kết bằng nhân cách.

Thí sinh có thể trình bày theo cách khác, miễn là hợp lí, thuyết phục; kĩ năng phân tích, lập luận (0,5 điểm) và hình thức, ngôn ngữ (0,25 điểm) được đánh giá theo Rubric.

Rubric chấm điểm

Câu 1 (2,0 điểm)		Mức 4 (1,75 - 2,0 điểm)	Mức 3 (1,25 - 1,5 điểm)	Mức 2 (0,75 - 1,0 điểm)	Mức 1 (0,0 - 0,5 điểm)
I. Nội dung kiến thức (1,25 điểm)	Xác định đúng vấn đề nghị luận (0,25 điểm)	Xác định đúng vấn đề nghị luận: vẻ đẹp của nhân vật thầy Huân trong văn bản “Người đánh trống trường” (Ma Văn Kháng). (0,25 điểm)	Xác định đúng vấn đề nghị luận. (0,25 điểm)	Xác định đúng vấn đề nghị luận. (0,25 điểm)	Không xác định được hoặc xác định sai vấn đề nghị luận. (0,0 điểm)
	Cảm nhận về nhân vật thầy Huân (1,0 điểm)	Nêu được đầy đủ các yếu tố hình thức như Đáp án (Ý 1, Ý 2). Phân tích được các yếu tố hình thức để rút ra nội dung như Đáp án (Ý 3, Ý 4). (1,0 điểm)	Nêu được chính xác Ý 1 và Ý 2. Phân tích được Ý 3 hoặc Ý 4. (0,75 điểm)	Nêu được chính xác 01 trong 02 ý hình thức. Phân tích được Ý 3 hoặc Ý 4. (0,5 điểm)	Nêu được 01 ý hình thức nhưng chưa phân tích, hoặc chỉ diễn xuôi nội dung. (0,25 điểm) Không nêu được ý nào. (0,0 điểm)
II. Kĩ năng phân tích và lập luận (0,5 điểm)		Biết lựa chọn các chi tiết, hình ảnh tiêu biểu (chi tiết ngoại hình “người thấp lùn”, giáo án “nắn nót chép đi chép lại”, tiếng trống “hạ đều không sai một giây”) làm căn cứ để rút ra nội dung. Sử dụng thành thạo các kĩ năng nghị luận (lí lẽ, bằng chứng, thao tác phân tích, đánh giá). Biết đánh giá, liên hệ một cách thuyết phục. (0,5 điểm)	Đáp ứng được 01 đến 02 trong 03 yêu cầu như Mức 4. (0,25 điểm)	Chưa đáp ứng được yêu cầu nào như Mức 4. (0,0 điểm)	Chưa lựa chọn được chi tiết tiêu biểu; chưa biết cách tổ chức lập luận. (0,0 điểm)
III. Hình thức và ngôn ngữ (0,25 điểm)		Bảo đảm cách thức trình bày đoạn văn. Hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, đúng ngữ pháp tiếng Việt, không có lỗi chính tả. Trình bày khoa học, rõ ràng, sạch đẹp. Dung lượng: 200 ± 100 chữ. (0,25 điểm)	Đáp ứng đầy đủ 03 trong 04 yêu cầu như Mức 4; hoặc đáp ứng 04 yêu cầu nhưng chưa đầy đủ như Mức 4. (0,25 điểm)	Đáp ứng được 02 trong 04 yêu cầu như Mức 4; hoặc đáp ứng 03 yêu cầu nhưng chưa đầy đủ như Mức 4. (0,0 điểm)	Đáp ứng được 01 trong 04 yêu cầu như Mức 4. (0,0 điểm)

Đoạn văn tham khảo

Viết về thầy Huân trong “Người đánh trống trường”, Ma Văn Kháng không dựng một tượng đài người thầy tài ba mà nâng niu một con người vụng về, bất hạnh, để từ đó làm sáng

lên vẻ đẹp của tấm lòng tận tụy. Nhà văn cố ý đặt thầy cạnh thầy Ngọc Kim hào hoa trong thế tương phản: một bên “đẹp như một kếp cải lương”, một bên “người thấp lùn, vai rộng, chân đi vòng kiềng, mặt sần sùi trứng cá”, nói năng thì “câu chữ cứ dúm lại”. Lối so sánh như thế người ta “nhặt thầy từ đồng ruộng ban sơ lên” vừa hóm hỉnh vừa triu mến, gọi một con người mộc mạc, nguyên khối. Thế nhưng chính cái vụng về ấy lại làm nổi bật một nỗ lực phi thường. Giáo án thầy “nắn nót chép đi chép lại”, đôi vai lệch được tập co lên “đến cả năm trời”, bàn tay đặt “lên ngực trái” để nén xúc động: từng chi tiết nhỏ cho thấy “Tình thương, lòng trắc ẩn và danh dự của kẻ có học” đã thành lẽ sống. Đến khi bị đẩy khỏi bục giảng, mắt mờ, thân cô độc, thầy vẫn đánh trống “hạ dùi không sai một giây”. Điệp cấu trúc “Có lúc nó” dồn dập cùng tiếng kêu “Ôi, tiếng trống” biến âm thanh vô tri thành tiếng lòng quặn quại, để tiếng trống hóa thành “một thực thể phân thân của thầy”. Qua điểm nhìn của người học trò cũ, với giọng kể trầm tư mà thấm đẫm thương cảm, Ma Văn Kháng nhắc ta rằng giá trị của một người thầy không đo bằng tài danh mà bằng tấm lòng tận hiến lặng thầm.

ĐĂNG KÍ SỞ HỮU TRỌN BỘ TÀI LIỆU

Bản giới thiệu này chỉ trích một phần nhỏ của Phần 3. Trọn bộ Cẩm nang ôn thi tốt nghiệp THPT 2026 gồm năm phần, hơn 180 đề thực hành, tất cả có đáp án chi tiết; các phần viết đoạn văn và bài văn đều có Hướng dẫn chấm, Rubric theo chuẩn đề thi năm 2026 và bài viết tham khảo hoàn chỉnh cho từng đề.

Liên hệ

- **Trang Facebook:** Kết Nối Tri Thức | Ngữ Văn
- **Zalo:** 0328 961 617
- **Cộng đồng học tập trực tuyến:** Cộng Đồng Dạy và Học Ngữ Văn

Học đúng cách chấm, viết đúng điều người chấm tìm.